

Số: 6241/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 03 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phân vùng và chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6
các trường có cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở năm học 2020 - 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT, ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Thông tư số 42/2013/TTLT, BGDDĐT – BLĐTBXH - BTC, ngày 31/12/2013 do Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính ban hành quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Công văn số 1754/BGDĐT-GDTrH, ngày 07/5/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh đầu cấp trong khuôn khổ Chương trình song ngữ và tăng cường tiếng Pháp kể từ năm học 2018-2019;

Căn cứ Công văn 2007 /UBND-GD ngày 30/3/2020 UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt phương thức và kế hoạch tuyển sinh lớp 6, lớp 10 năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 1741/QĐ-UBND, ngày 28/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6, lớp 10 phổ thông dân tộc nội trú và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2020-2021;

Căn cứ Hướng dẫn số 867/HD-SGDĐT ngày 13/4/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông năm học 2020- 2021;

Theo Đề nghị của trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 722/TT- PGDDĐT ngày 02 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân vùng và chỉ tiêu tuyển sinh lớp 1, lớp 6 cho các trường có cấp Tiểu học và cấp THCS trên địa bàn thành phố (theo danh sách gửi kèm).

Điều 2. Giao phòng Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm Truyền thông và Văn hóa; UBND các xã, phường; các trường có cấp Tiểu học, cấp THCS trên địa bàn thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn để học sinh làm hồ sơ đăng ký dự xét vào học lớp 1, lớp 6 năm học 2020 - 2021 theo đúng nguyện vọng của học sinh và các quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Thủ trưởng các phòng, đơn vị: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm Truyền thông - Văn hóa, Chủ tịch UBND các xã, phường, Hiệu trưởng các trường có cấp tiểu học, cấp THCS trên địa bàn Thành phố, các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ninh;
- TT TU, HĐND, UBND TP;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

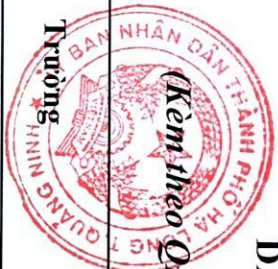
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Sơn

**DANH SÁCH PHÂN VÙNG VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 1
NĂM HỌC 2020-2021**

(Kèm theo QĐ số 6241/QĐ - UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long)



TT	Trường	Chỉ tiêu	Số lớp	Tỉ lệ HS/lớp	Phân vùng đối với học sinh hoàn thành chương trình mẫu giáo	Ghi Chú
1	TH Đại Yên	199	6	33.2	Phường Đại Yên	
2	TH Việt Hưng	196	6	32.7	Phường Việt Hưng	
3	TH Hà Khẩu	291	8	36.4	Phường Hà Khẩu	
4	TH Lý Thường Kiệt	458	13	35.2	Phường Giếng Dáy	
5	TH Bãi Cháy	432	12	36.0	Khu 5,6,7,8,9,10 phường Bãi Cháy	
6	TH Hạ Long	425	12	35.4	Phường Hòn Gai + Phường Bạch Đằng	
7	TH Trần Hưng Đạo	350	10	35.0	Phường Trần Hưng Đạo	
8	TH Cao Xanh	215	6	35.8	Phường Cao Xanh (Trừ HS khu Khu 1, khu 2A, khu 2B)	Khu 1, khu 2A, khu 2B tuyển sinh TH Võ Thị Sáu
9	TH Cao Thắng	280	8	35.0	Phường Cao Thắng	
10	TH Võ Thị Sáu	175	5	35.0	Phường Yết Kiêu + Khu 1, khu 2A, khu 2B (Phường Cao Xanh)	
11	TH Hà Lâm	280	8	35.0	Phường Hà Lâm, Khu 1,2 Phường Hà Khánh	
12	TH Quang Trung	280	8	35.0	Khu 7,8,9,10 Phường Hồng Hải, Khu 1, 2 phường Hồng Hà	
13	TH Trần Quốc Toản	455	13	35.0	Phường Hồng Hà, Khu 6,7 Phường Hà Tu	
14	TH Minh Hà	175	5	35.0	Phường Hà Tu	
15	TH Nguyễn Bá Ngọc	148	4	37.0	Phường Hà Trung	Số trong tuổi phổ cập lần 1 (8.2019)
16	TH Lê Hồng Phong	212	6	35.3	Khu 1,2,3,4,5,6 phường Hồng Hải	



17	TH Hữu Nghị	105	3	35.0	Toàn thành phố (Theo kế hoạch riêng)	
18	TH Trới	248	7	35.4	Điểm Trung tâm: Khu 1, Khu 2, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, Khu 10 phường Hoành Bồ. Điểm Lẻ: Khu 7, Khu 8, Khu 9 phường Hoành Bồ	
19	TH Lê Lợi	129	4	32.3	Xã Lê Lợi	
20	TH Quảng La	44	2	22.0	Xã Quảng La	03 điểm trường
21	TH Sơn Dương	95	4	23.8	Xã Sơn Dương	05 điểm trường
22	PTDTBT TH&THCS Đồng Lâm 2	26	2	13.0	Thôn Cài, thôn Đèo Đọc, thôn Khe Lèn xã Đồng Lâm	03 điểm trường
23	PTDTBT TH&THCS Đồng Lâm 1	27	2	13.5	Thôn Đồng Quảng, thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	(03 điểm trường); có 03 hs Bàng Danh dón sang; điểm trường Bàng Văn có 02 học sinh học ghép với lớp 2. Điểm trung tâm 12 HS, điểm Đồng trà 08 HS
24	TH&THCS Tân Dân	62	3	20.7	Xã Tân Dân	03 điểm trường
25	TH&THCS Thống Nhất	141	4	35.3	Thôn Làng, thôn Chợ, thôn Đất Đỏ, thôn Chân Đèo, thôn Bón, thôn Đồng Cao, thôn Đình, thôn Đồng Vải thuộc xã Thống Nhất	
26	TH&THCS Núi Mần	69	3	23.0	Thôn Đá Trắng, thôn Lương Kỳ, Thôn Khe Khoai, thôn Xích Thổ thuộc xã Thống Nhất	Điểm Trung tâm 43 học sinh (02 lớp); điểm Xích Thổ 26 học sinh (01 lớp)
27	TH&THCS Bằng Cả	40	2	20.0	Xã Bằng Cả	02 điểm trường. Điểm lẻ Khe liêu tính lớp ghép (1+2)
28	TH&THCS Dân Chủ	40	2	20.0	Xã Dân Chủ	1 điểm trường
29	TH&THCS Hòa Bình	27	2	13.5	Xã Hòa Bình	02 điểm trường
30	TH&THCS Vũ Oai	40	2	20.0	Xã Vũ Oai	02 điểm trường

31	TH&THCS Kỳ Thượng	20	3	6.7	Xã Kỳ Thượng	03 điểm trường. Chưa rõ số liệu lớp ghép hoặc không ghép tại điểm lẻ
32	TH&THCS Đồng Sơn	86	3	28.7	Xã Đồng Sơn	05 điểm trường: Điểm chính 50 HS = 02 lớp; điểm lẻ Phú diễn 25 HS = 01 lớp; điểm đồng cầm 02 HS học lớp ghép; điểm lẻ Cẩm kèn 04 học sinh học lớp ghép; điểm lẻ Khe nội 02 học sinh học lớp ghép.
33	TH-THCS Tuấn Châu	70	2	35.0	Phường Tuấn Châu	
34	TH-THCS Hùng Thắng	140	4	35.0	Phường Hùng Thắng	
35	TH-THCS Bãi Cháy 2	210	6	35.0	Khu 1,2,3,4 phường Bãi Cháy	
36	TH-THCS Nguyễn Viết Xuân	84	3	28.0	Phường Hà Khánh	
37	TH-THCS Minh Khai	180	5	36.0	Phường Hà Phong	
38	TH-THCS-THPT Lê Thánh Tông	178	6	29.7	Toàn thành phố	
39	TH-THCS Đoàn Thị Điểm	140	4	35.0	Toàn thành phố	
40	TH-THCS-THPT Văn Lang	140	4	35.0	Toàn thành phố	
41	Nguyễn Bình Khiêm	280	8	35.0	Toàn thành phố	
42	VN-Singapore	24	1	24.0	Toàn thành phố	
43	TH-THCS-THPT Quốc tế song ngữ Học viện Anh Quốc- UK-Academy	100	5	20.0	Toàn thành phố	
	TỔNG	6750	226			

DANH SÁCH PHÂN VÙNG VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 6

NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số 6241/QĐ-UBND, ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Long)



STT	TRƯỜNG	Số học sinh dự kiến tuyển sinh	Số lớp	Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học	Ghi chú
1	THCS Đại Yên	121	3	Trường Tiểu học Đại Yên	
2	THCS Việt Hưng	189	5	Trường Tiểu học Việt Hưng	
3	THCS Nguyễn Trãi	260	6	Trường Tiểu học Hà Khẩu	
4	THCS Lý Tự Trọng	350	8	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	
5	THCS Bãi Cháy	398	9	Trường Tiểu học Bãi Cháy; Các HS có hộ khẩu thường trú tại Bãi Cháy.	
6	THCS Lê Văn Tám	400	9	Trường Tiểu học Hạ Long + học sinh có HKTT tại phường Bạch Đằng của trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	
7	THCS Kim Đồng	300	7	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo (Trừ học sinh có HKTT tại phường Bạch Đằng) + Tiểu học Võ Thị Sáu	
8	THCS Cao Xanh	170	4	Trường Tiểu học Cao Xanh	
9	THCS Cao Thắng	248	6	Trường Tiểu học Cao Thắng	
10	THCS Nguyễn Văn Thuộc	260	6	Trường Tiểu học Hà Lâm	
11	THCS Hà Trung	119	3	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc.Học sinh Trường TH Trần Quốc Toàn có HKTT tại phường Hà Trung.	
12	THCS Hà Tu	175	4	Trường Tiểu học Minh Hà. Học sinh Trường TH Trần Quốc Toàn có HKTT tại phường Hà Tu.	

13	THCS Trần Quốc Toản	515	12	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản. Học sinh trường TH Quang Trung có HKTT tại phường Hồng Hà.	
14	THCS Hồng Hải	216	5	Trường TH Lê Hồng Phong và TH Quang Trung	
15	TH-THCS Tuấn Châu	35	1	TH-THCS Tuấn Châu	
16	TH-THCS Hùng Thắng	105	3	TH-THCS Hùng Thắng	
17	TH-THCS Bãi Cháy 2	170	4	TH-THCS Bãi Cháy 2	
18	TH-THCS Nguyễn Viết Xuân	55	2	TH-THCS Nguyễn Viết Xuân	
19	TH-THCS Minh Khai	190	4	TH-THCS Minh Khai	
20	THCS Trọng Điểm	360	8	Toàn thành phổ	
21	Trường THCS Trới	241	6	Tiểu học Trới	
22	Trường THCS Lê Lợi	100	3	Tiểu học Lê Lợi	
23	Trường THCS Sơn Dương	72	3	Tiểu học Sơn Dương	02 điểm trường
24	Trường TH-THCS Tân Dân	30	1	Tiểu học và THCS Tân Dân	
25	Trường PTDTBT TH-THCS Đồng Lâm 1	15	1	TH -THCS Đồng Lâm 1	
26	Trường PTDTBT TH-THCS Đồng Lâm 2	15	1	TH-THCS Đồng Lâm 2	
27	Trường TH-THCS Kỳ Thượng	6	1	TH-THCS Kỳ Thượng	
28	Trường TH-THCS Bằng Cả	37	1	TH-THCS Bằng Cả	
29	Trường TH-THCS Đồng Sơn	44	1	TH-THCS Đồng Sơn	
30	Trường TH-THCS Vũ Oai	25	1	TH-THCS Vũ Oai	
31	Trường TH-THCS Hòa Bình	15	1	TH-THCS Hòa Bình	
32	Trường TH-THCS Dân Chủ	18	1	TH-THCS Dân Chủ	

33	Trường THPT Quảng Lã	59	2	Tiểu học Quảng Lã	
34	Trường TH-THCS Núi Mần	63	2	TH-THCS Núi Mần (học sinh có hộ khẩu thường trú tại thôn Đá Trắng, thôn Lương Kỳ, thôn Khe Khoai và 20 học sinh thôn Xích Thổ xã Thống Nhất)	Xích Thổ có 32 học sinh (20 có nguyện vọng học tại Núi mần; 12 có nguyện vọng học tại TH&THCS Thống Nhất)
35	Trường TH-THCS Thống Nhất	148	4	12 học sinh có hộ khẩu thường trú tại thôn Xích Thổ, xã Thống Nhất và toàn bộ học sinh HTCTTH tại các thôn còn lại (trừ các thôn Đá Trắng, thôn Lương Kỳ, thôn Khe Khoai) trên địa bàn xã Thống Nhất	Tuyển theo thực tế
36	Trường PTDT Nội trú	34	1	8 học sinh Tân Dân + 5 học sinh Đồng Lâm 1 + 4 học sinh Đồng Lâm 2 + 12 học sinh Đồng Sơn + 5 học sinh Hòa Bình	
37	TH-THCS Đoàn Thị Điểm	105	3	Toàn thành phố	
38	TH-THCS-THPT Văn Lang	105	3	Toàn thành phố	
39	THPT Hòn Gai	70	2	TH Hữu Nghị	
40	TH-THCS-THPT Nguyễn Bình Khiêm	160	5	Toàn thành phố	
41	PT3C Việt Nam - Singapore	10	1	Toàn thành phố	
42	UK dermy (Học viện Anh Quốc)	100	4	Toàn thành phố	
43	PT3C Lê Thánh Tông	90	3	Toàn thành phố	
	Tổng	6198	160		